

Bản án số: 01/2024/HSPT-CTN

Ngày 11/01/2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Tiến Sỹ

Các thẩm phán: Ông Lưu Anh T và bà Đinh Thị Như Phượng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Thái Thị Mỹ Nga – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa: Bà Đỗ Thị H - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 01 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 25/2023/TLPT-HS-CTN ngày 27 tháng 11 năm 2023 do có kháng cáo của bị cáo Nguyễn Lê H T và người đại diện hợp pháp của bị cáo T là bà Lê Thị N, Nguyễn H P, Cao Nhật T, Nguyễn Văn T, H Lê Ngọc S và người đại diện hợp pháp của bị cáo S là bà Lê Thị H, Trần Ngô Văn Công Đ, Ngô Quang Q, Nguyễn Văn T, Phan Huy H, Nguyễn Đức L, Hoa Nguyễn Nhật T, Trần Đ, Lê Nhật H và người đại diện hợp pháp của bị cáo H là bà Phạm Thị N, Nguyễn Hồng M, H Đình B L, Huỳnh Văn Đ, Lê Thế Q, Nguyễn Trọng N và Nguyễn Quốc B đối với bản án hình sự sơ thẩm số 43/2023/HS-ST ngày 19 tháng 10 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện I, tỉnh Gia Lai.

- Các bị cáo:

1. NGUYỄN LÊ HOÀNG T; Giới tính: N; Sinh ngày 24 tháng 9 năm 2004, tại tỉnh Gia Lai (Đến ngày thực hiện hành vi phạm tội bị cáo 17 tuổi 08 tháng 30 ngày); Nơi thường trú và nơi ở hiện tại: Thôn A, xã N, huyện C, tỉnh Gia Lai; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: V N; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Sinh viên; Con ông Nguyễn Trọng T và bà Lê Thị N; Tiền án: Không; Tiền sự: Không; Hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “B lĩnh”. Có mặt tại phiên tòa.

2. NGUYỄN HOÀNG P; Giới tính: N; Sinh ngày 10 tháng 10 năm 2004, tại tỉnh Gia Lai (Đến ngày thực hiện hành vi phạm tội bị cáo 17 tuổi 08 tháng 13 ngày); Nơi thường trú và nơi ở hiện tại: Thôn R, thị trấn P, huyện C, tỉnh Gia Lai; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: V N; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 9/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Con ông Nguyễn Văn H và bà Huỳnh Thị M T (đã chết); Tiền án:

Không; Tiền sự: Không; Bị bắt tạm giam từ ngày 08/02/2023 đến nay. Có mặt tại phiên tòa.

3. CAO NHẬT T; Giới tính: N; Sinh ngày 30 tháng 12 năm 2004, tại tỉnh Gia Lai (Đến ngày thực hiện hành vi phạm tội bị cáo 17 tuổi 05 tháng 24 ngày); Nơi thường trú và nơi ở hiện tại: Tổ Q, phường Y, thành phố P, tỉnh Gia Lai; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: V N; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 9/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Con ông Cao Bá T và bà Tân Thị Kim T; Tiền án: Không; Tiền sự: Không; Hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “B lĩnh”. Có mặt tại phiên tòa.

4. NGUYỄN VĂN T; Sinh ngày 12 tháng 01 năm 2005. tại tỉnh Nghệ An (Đến ngày thực hiện hành vi phạm tội bị cáo 17 tuổi 05 tháng 11 ngày); Nơi thường trú và nơi ở hiện tại: Làng B, phường Y, thành phố P, tỉnh Gia Lai; Dân tộc: Thổ; Quốc tịch: V N; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 7/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Con ông Nguyễn Đức T và bà Nguyễn Thị Kim C; Tiền án: Không; Tiền sự: Không; Hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “B lĩnh”. Có mặt tại phiên tòa.

5. HOÀNG LÊ NGỌC S; Giới tính: N; Sinh ngày 18 tháng 01 năm 2005, tại tỉnh Gia Lai (Đến ngày thực hiện hành vi phạm tội bị cáo 17 tuổi 05 tháng 05 ngày); Nơi thường trú và nơi ở hiện tại: thôn Q, xã B, thành phố P, tỉnh Gia Lai; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: V N; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Con ông H Sỹ H và bà Lê Thị H; Tiền án: Không; Tiền sự: Không; Hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “B lĩnh”. Có mặt tại phiên tòa.

6. NGUYỄN QUỐC B; Giới tính: N; Sinh ngày 24 tháng 8 năm 2005, tại tỉnh Gia Lai (Đến ngày thực hiện hành vi phạm tội bị cáo 16 tuổi 09 tháng 30 ngày); Nơi thường trú và nơi ở hiện tại: Tổ Y, phường H, thành phố P, tỉnh Gia Lai; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: V N; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 8/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Con ông Nguyễn Văn T và bà Hà Thị Kim P; Tiền án: Không; Tiền sự: Không; Hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “tạm giam” từ ngày 03/10/2023 đến nay. Có mặt tại phiên tòa.

7. TRẦN NGÔ VĂN CÔNG Đ; Giới tính: N; Sinh ngày 11 tháng 4 năm 2005, tại tỉnh Gia Lai (Đến ngày thực hiện hành vi phạm tội bị cáo 17 tuổi 02 tháng 12 ngày); Nơi thường trú và nơi ở hiện tại: Tổ Q, phường T, thành phố P, tỉnh Gia Lai; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: V N; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Con ông Trần Nguyên H và bà Ngô Thị Diễm U; Tiền án: Không; Tiền sự: Không; Hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “B lĩnh”. Có mặt tại phiên tòa.

8. NGÔ QUANG Q; Giới tính: N; Sinh ngày 06 tháng 11 năm 2005, tại tỉnh Gia Lai (Đến ngày thực hiện hành vi phạm tội bị cáo 16 tuổi 07 tháng 17 ngày); Nơi thường trú và nơi ở hiện tại: Thôn U, xã I, huyện C, tỉnh Gia Lai; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: V N; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 10/12; Nghề nghiệp: Học sinh; Con ông Ngô Văn H và bà Đào Thị T; Tiền án: Không; Tiền sự: Không; Hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “B lĩnh”. Có mặt tại phiên tòa.

9. NGUYỄN VĂN T; Giới tính: N; Sinh ngày 02 tháng 9 năm 2003, tại thành phố Hà Nội; Nơi thường trú và nơi ở hiện tại: Thôn I, xã I, huyện C, tỉnh Gia Lai; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: V N; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Con ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị N; Tiền án: Không; Tiền sự: Không; Hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “B lĩnh”. Có mặt tại phiên tòa.

10. PHAN HUY H; Giới tính: N; Sinh ngày 16 tháng 02 năm 2004, tại tỉnh Gia Lai; Nơi thường trú: Tổ 2, phường P, thành phố P, tỉnh Gia Lai; Nơi ở hiện tại: L, tổ T, phường T, thành phố P, tỉnh Gia Lai; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: V N; Tôn giáo: Phật giáo; Trình độ học vấn: 11/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Con ông Phan Văn N và bà Phạm Thị M L (đã chết); Tiền án: Không; Tiền sự: Không; Hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “B lĩnh”. Có mặt tại phiên tòa.

11. NGUYỄN ĐỨC L; Giới tính: N; Sinh ngày 08 tháng 3 năm 2001, tại tỉnh Gia Lai; Nơi thường trú: Xóm Q, xã C, huyện H, tỉnh Nghệ An; Nơi ở hiện tại: Thôn H, xã I, huyện I, tỉnh Gia Lai; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: V N; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 11/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Con ông Nguyễn Văn N (đã chết) và bà Phan Thị T; Tiền án: Không; Tiền sự: Không; Hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “B lĩnh”. Có mặt tại phiên tòa.

12. HOA NGUYỄN NHẬT T; Giới tính: N; Sinh ngày 03 tháng 9 năm 2003, tại tỉnh Gia Lai; Nơi thường trú và nơi ở hiện tại: Thôn T, xã I, huyện I, Gia Lai; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: V N; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Con ông Hoa Văn D và bà Nguyễn Thị L; Tiền án: Không; Tiền sự: Không; Hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “B lĩnh”. Có mặt tại phiên tòa.

13. LÊ NHẬT H; Giới tính: N; Sinh ngày 17 tháng 4 năm 2006, tại tỉnh Gia Lai (Đến ngày thực hiện hành vi phạm tội bị cáo 16 tuổi 02 tháng 06 ngày); Nơi thường trú và nơi ở hiện tại: Thôn T, xã I, huyện I, Gia Lai; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: V N; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 10/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Con ông Lê S H (đã chết) và bà Phạm Thị N; Tiền án: Không; Tiền sự: Không; Hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “B lĩnh”. Có mặt tại phiên tòa.

14. TRẦN Đ; Giới tính: N; Sinh ngày 14 tháng 3 năm 2006, tại tỉnh Gia Lai (Đến ngày thực hiện hành vi phạm tội bị cáo 16 tuổi 03 tháng 09 ngày); Nơi thường trú và nơi ở hiện tại: Thôn T, xã I, huyện I, Gia Lai; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: V N; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 10/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Con ông Trần Văn T và bà Phan Thị L; Tiền án: Không; Tiền sự: Không; Hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “B lĩnh”. Có mặt tại phiên tòa.

15. NGUYỄN HỒNG M; Giới tính: N; Sinh ngày 08 tháng 10 năm 2005, tại tỉnh Gia Lai (Đến ngày thực hiện hành vi phạm tội bị cáo 16 tuổi 08 tháng 15 ngày); Nơi thường trú và nơi ở hiện tại: Thôn T, xã I, huyện I, Gia Lai; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: V N; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Sinh viên; Con ông Nguyễn Văn P và bà Lê Thị C; Tiền án: Không; Tiền sự: Không; Hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “B lĩnh”. Có mặt tại phiên tòa.

16. HOÀNG ĐÌNH BẢO L; Giới tính: N; Sinh ngày 16 tháng 8 năm 2005, tại tỉnh Gia Lai (Đến ngày thực hiện hành vi phạm tội bị cáo 16 tuổi 10 tháng 07 ngày); Nơi thường trú và nơi ở hiện tại: Tổ I, phường Y, thành phố P, Gia Lai; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: V N; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 10/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Con ông H Đình H và bà Trần Thị Kim V; Tiền án: Không; Tiền sự: Không; Hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “B lĩnh”. Có mặt tại phiên tòa.

17. HUỖNH VĂN Đ; Giới tính: N; Sinh ngày 14 tháng 10 năm 2005, tại tỉnh Gia Lai; (Đến ngày thực hiện hành vi phạm tội bị cáo 16 tuổi 08 tháng 09 ngày) Nơi thường trú và nơi ở hiện tại: Thôn L, xã B, thành phố P, Gia Lai; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: V N; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Sinh viên; Con ông Huỳnh Văn K và bà Nguyễn Thị Vân A; Tiền án: Không; Tiền sự: Không; Hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “B lĩnh”. Có mặt tại phiên tòa.

18. LÊ THẾ Q; Giới tính: N; Sinh ngày 15 tháng 3 năm 2005, tại tỉnh Gia Lai (Đến ngày thực hiện hành vi phạm tội bị cáo 17 tuổi 03 tháng 08 ngày); Nơi thường trú và nơi ở hiện tại: Thôn C, xã I, huyện I, Gia Lai; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: V N; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Sinh viên; Con ông Lê Văn S và bà H Thị H; Tiền án: Không; Tiền sự: Không; Hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “B lĩnh”. Có mặt tại phiên tòa.

19. NGUYỄN TRỌNG N; Giới tính: N; Sinh ngày 15 tháng 10 năm 2001, tại tỉnh Gia Lai; Nơi thường trú và nơi ở hiện tại: Thôn E, xã I, huyện C, Gia Lai; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: V N; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 11/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Con ông Nguyễn T H và bà Bùi Thị H; Tiền án: Không; Tiền sự: Không; Hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “B lĩnh”. Có mặt tại phiên tòa.

Người đại diện hợp pháp của các bị cáo:

- Người đại diện hợp pháp của bị cáo Lê Nhật H: Bà Phạm Thị N; Sinh năm: 1977; Địa chỉ nơi cư trú: Thôn T, xã I, huyện I, tỉnh Gia Lai. Có mặt tại phiên tòa.
- Người đại diện hợp pháp của bị cáo Trần Đ: Bà Phan Thị L; Sinh năm: 1970; Địa chỉ nơi cư trú: Thôn T, xã I, huyện I, tỉnh Gia Lai. Có mặt tại phiên tòa.
- Người đại diện hợp pháp của bị cáo Nguyễn Lê H T: Bà Lê Thị N; Sinh năm: 1979; Địa chỉ nơi cư trú: Thôn U, xã N, huyện C, tỉnh Gia Lai. Có mặt tại phiên tòa.
- Người đại diện hợp pháp của bị cáo H Lê Ngọc S: Bà Lê Thị H; Sinh năm: 1979; Địa chỉ nơi cư trú: Thôn E, xã B, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Có mặt tại phiên tòa.

Người bào chữa cho các bị cáo:

- Người bào chữa cho các bị cáo Ngô Quang Q, Trần Ngô Văn Công Đ, H Lê Ngọc S: Ông Mai Văn T – Luật sư trợ giúp pháp lý của T tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Gia Lai; Địa chỉ: L, phường I, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Có mặt tại phiên tòa.
- Người bào chữa cho bị cáo Lê Thế Q: Ông Trần Mạnh T – Luật sư trợ giúp pháp lý của T tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Gia Lai; Địa chỉ: L, phường I, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Có mặt tại phiên tòa.

- Người bào chữa cho các bị cáo Nguyễn Văn T, Cao Nhật T, H Đình B L, Huỳnh Văn Đ, Nguyễn Lê H T: Bà Trương Thị P – Luật sư trợ giúp pháp lý của T tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Gia Lai; Địa chỉ: L, phường I, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Có mặt tại phiên tòa.

- Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Quốc B: Bà Nguyễn H Kim L – Trợ giúp viên pháp lý của T tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Gia Lai; Địa chỉ: L, phường I, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Có mặt tại phiên tòa.

- Người bào chữa cho các bị cáo Trần Đ, Nguyễn Hồng M, Lê Nhật H: Ông Nguyễn Đình C – Trợ giúp viên pháp lý của T tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Gia Lai; Địa chỉ: L, phường I, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Có mặt tại phiên tòa.

- Đại diện Đoàn thanh niên xã I, huyện I, tỉnh Gia Lai: Ông Lê H Đ – Bí thư đoàn xã. Vắng mặt.

- Đại diện Đoàn thanh niên xã I, huyện I, tỉnh Gia Lai: Ông Thái Đắc C – Bí thư đoàn xã. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo các tài liệu có trong hồ sơ và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 19 giờ, ngày 22/6/2022, Phạm Lê Vĩ H có mâu thuẫn với khách tại quán nhậu ở ngã tư đường tránh thuộc thôn T, xã I, huyện I, tỉnh Gia Lai. Khoảng 10 phút sau, H cùng với Nguyễn Hoa Nhật T đi đường có gặp và đánh Nguyễn Lê H T, Nguyễn H P nên hai bên nảy sinh mâu thuẫn. Sau khi bị đánh thì H T cùng H P về nhà trọ của Đỗ H V chơi. Tại nhà V thông qua mạng xã hội Facebook, T có liên lạc, chửi nhau với H và hẹn sẽ gặp nhau tại xã I vào tối ngày 23/06/2022 để đánh nhau. H T đã liên lạc nhờ V, Nguyễn Văn T, Nguyễn Xuân T và Lê Thanh T tìm người để đi đánh nhau với T thì tất cả đồng ý.

Khoảng 16 giờ ngày 23/6/2022 Nguyễn Văn T, Ngô Quang Q đến nhà H V chơi thì T nhờ T chạy lên huyện C, tỉnh Gia Lai đón T xuống nhà V. Khi T xuống thì có thêm Phan Tấn Xuân T đi cùng. T kể cho T nghe mâu thuẫn giữa T và nhóm của Vĩ H nên T rủ Q cùng giúp T đánh nhóm Vĩ H.

Khoảng 18 giờ ngày 23/6/2022, Nguyễn Văn T đang uống cà phê tại đường Phạm Văn Đ cùng với Phan Công T, H Lê Ngọc S, Huỳnh Tấn Đ, Lê M V, Huỳnh Văn Đ thì T rủ cả nhóm đi đánh nhau và tất cả đồng ý. T chạy xuống nhà H V trước. Đến khoảng 19 giờ cùng ngày, H V điện thoại cho Cao Nhật T rủ đi đánh nhau thì T đồng ý. H V đã chạy lên phòng trọ của T xuống nhà V. Đến khoảng 19 giờ 30, H T gọi cho Xuân T để tiếp tục rủ đi đánh nhau và hỏi ở đâu để T đến đón. Lúc này, T đang chơi tại quán internet. T đã rủ Trịnh Gia B, Nguyễn Quốc B, Phan Huy H, Đặng Ngọc T, Lê Anh N đang cùng chơi tại quán để cùng đi đánh nhau, thì tất cả đồng ý.

Đến 20 giờ ngày 23/6/2023, H T đi cùng V, T đi qua quán internet để đón Xuân T. T chỉ cho T đến bãi đất trống tại đường Nguyễn T T, thành phố P, tỉnh Gia Lai để lấy một số hung khí mang theo. T dẫn nhóm của T đến nhà H V rồi đi cùng T đến bãi đất trống đường Nguyễn T T để lấy hung khí gồm dao, kiếm, tuýp sắt nhưng

không rõ là bao nhiêu cái về để ở bãi đất gần nhà H V. Sau đó, T quay về đón nhóm của mình lên nhà H V.

Vào khoảng 21 giờ ngày 23/6/2022, nhóm của T đi đến trường trung học cơ sở Bùi Thị Xuân thuộc phường Y, thành phố P để đợi T dẫn Đ, Đức, V, T và S đến. Một lúc sau nhóm của T đã đến trường Bùi Thị X đầy đủ, tất cả đi trên 07 xe mô tô đồng thời mang theo nhiều loại hung khí gồm dao, tuýp sắt, lưỡi lê, kiếm. Cụ thể, Đỗ H V điều khiển xe mô tô nhãn hiệu DETECH, biển kiểm soát 81AA-072.26 chở Nguyễn Lê H T cầm một tuýp sắt và Lê Thanh T cầm một tuýp sắt. Nguyễn H P cầm 01 con dao (lấy từ nhà V) điều khiển xe mô tô hiệu MaxIIIPlus, biển kiểm soát 60P2-2228 chở Cao Nhật T cầm theo một tuýp sắt. Huỳnh Văn Đ điều khiển xe mô tô AirBlade, biển kiểm soát 81B1-241.98 chở Lê M V cầm 01 tuýp sắt và Phan Công T cầm 01 cây kiếm. Huỳnh Tấn Đ điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Suzuki Satria chở H Lê Ngọc S cầm một tuýp sắt và Nguyễn Văn T cầm 01 con dao dài lưỡi nhọn. Trịnh Gia B điều khiển xe mô tô Wave RSX, biển kiểm soát 81B1-917.98 chở Phan Huy H cầm một tuýp giáo (dao phóng) và Nguyễn Xuân T cầm một cây lê. Lê Anh N điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Honda Airblade, biển kiểm soát 81B1-785.15 chở Nguyễn Quốc B cầm một tuýp sắt và Đặng Ngọc T cầm 01 cây kiếm. Phan Tấn Xuân T điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave RSX, biển kiểm soát 81B2-525.94 chở Nguyễn Văn T cầm một tuýp sắt và Ngô Quang Q cầm 01 tuýp sắt. Đi được một đoạn đường thì V, T thấy H Đình B L điều khiển xe mô tô Exciter, biển kiểm soát 81B1-995.13 chở Trần Ngô Văn Công Đ đang trên đường đi làm về nhà thì V và T đã rủ Lâm, Đức đi đánh nhau, tất cả đồng ý, V đưa cho Đức một tuýp sắt. Cả nhóm tiếp tục di chuyển, khi đến nhà Đỗ M L thì T gặp M L và Võ Trần Tấn L để lấy thêm hung khí gồm 03 con dao phóng lợn, sau đó tiếp tục chạy về phía xã I, huyện I để đánh nhau với nhóm của Phạm Lê Vĩ H.

Về phía nhóm của Phạm Lê Vĩ H, ngày 23/6/2023 H đã gọi điện thoại nhờ Siu P, Nguyễn Hồng M, Nguyễn Đức L đi đánh nhau với nhóm của T, thì tất cả đồng ý. Vào khoảng 19 giờ ngày 23/6/2022, H đang nhậu tại quán của anh Trần Thanh A ở ngã tư đường tránh xã I thì có rủ Lê Thế Q, Lê Nhật H, Hoa Nguyễn Nhật T, Trần Đ, Nguyễn Trọng N, Ksor Y, Phạm Văn T, Lê H L tham gia đánh nhau và chuẩn bị 03 chai đựng xăng (bom xăng), cùng một số dao, tuýp sắt, đợi nhóm của T tại thôn T, xã I, huyện I.

Nhóm của T đi gần tới điểm hẹn đánh nhau với nhóm của H thì có xe của Phan Tấn Xuân T chở Nguyễn Văn T, Ngô Quang Q hết xăng, nên đã mang xe đi giấu ven đường, T và Q đưa lại tuýp sắt cho những người trong nhóm nhưng không ai lấy nên đã vứt tuýp sắt ở đường, rồi cả ba chạy lên điểm đánh nhau. Những người còn lại của nhóm T tiếp tục đi đến địa điểm đã hẹn để đánh nhau.

Nhóm của H có Lê Thế Q điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Fervor, biển kiểm soát 81AA-090.53 chở Lê H L đi trước để nắm tình hình nhóm của T, tuy nhiên khi đến chỗ hẹn thì bị nhóm của T rượt đuổi nên Q và L đã chạy trốn và gọi điện thoại báo tin cho H biết để chuẩn bị đánh nhau. H nghe Q gọi điện thoại báo nhóm của T đã đến điểm hẹn nên nói cả nhóm chuẩn bị đi đánh nhau, nhóm của H có Nguyễn

Đức L cầm 01 con dao thái lan tại quán nhậu và điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 81B3-207.31, nhãn hiệu Honda Vission chở H cầm 02 chai thủy tinh đựng xăng, 01 cây sắt và T cầm 01 chai thủy tinh đựng xăng. Trần Đ cầm một con dao lẩy tại quán nhậu, điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 81AU-002.74, nhãn hiệu DAELIMI chở Lê Nhật H cầm 01 gậy gỗ và Phạm Văn T cầm một con dao tại quán nhậu. Nguyễn Trọng N điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 81AA-102.82, nhãn hiệu DAELIMIKD chở Nguyễn Hồng M cầm 02 gậy gỗ chạy đến địa điểm đánh nhau.

Đến khoảng 22 giờ 00 ngày 23/6/2022, nhóm của T và nhóm của H gặp nhau tại khu vực đường liên huyện, từ xã I, huyện I đi thành phố P, nơi có trường trung học phổ thông Phạm Văn Đ, có cửa hàng xăng dầu số 2 thuộc doanh nghiệp tư nhân Ngọc M, gần ngã tư đường tránh thành phố, có đông dân cư sinh sống hai bên đường. Hai nhóm chạy đến đã lao vào đánh nhau, nhóm của T có L, Đ, B, Văn Đức, N và V dùng xe đọi cả nhóm đánh nhau, còn T, Lê Thanh T, Cao Nhật T, Đặng Ngọc T, H Lê Ngọc S, Phan Công T, Nguyễn H P, Nguyễn Quốc B, Phan Huy H, Nguyễn Xuân T, Nguyễn Văn T, Trần Ngô Văn Công Đ, Lê M V cầm hung khí đánh nhau với nhóm của H gồm có H, Lai, M, T, T, H.

Nhóm của H có T ném một chai xăng (bom xăng) về phía nhóm T, H đốt lửa ném hai chai xăng (bom xăng) về nhóm của T, rồi hai nhóm dùng hung khí đã chuẩn bị xông vào đánh nhau. Do nhóm của H ít người hơn nên đã lùi lại, lúc này Siu P chạy bộ từ quán nhậu lên thấy nhóm của H bị đuổi đánh nên đã cầm bình xịt hơi cay xịt vào nhóm của T để giải vây. Do nhóm của T đông nên nhóm của H đã chạy trốn và bỏ lại xe mô tô biển kiểm soát 81B3-207.31, xe mô tô biển kiểm soát 81AU-002.74, xe mô tô biển kiểm soát 81AA-102.8. Nhóm của T, sau khi nghe T hô đập xe thì có một số người đập 03 xe mô tô trên, gồm Nguyễn Lê H T, Nguyễn H P, Cao Nhật T, Nguyễn Văn T, H Lê Ngọc S, Phan Công T, Nguyễn Xuân T, Đặng Ngọc T, Nguyễn Quốc B, Lê M V, Trần Ngô Văn Công Đ, Phan Tấn Xuân T. Khi đánh nhau, Nguyễn Văn T, Ngô Quang Q trong nhóm của T đến sau để hỗ trợ cho những người còn lại, Q có cầm theo 01 hòn đá, T và Q đứng nhìn nhóm của mình đánh nhóm H.

Trong lúc nhóm của H bỏ chạy thì Ksor Y đi bộ lên và dùng một khẩu súng mang theo bắn chỉ thiên một phát nhằm giải vây cho nhóm của H. Nhóm của T không đuổi kịp nhóm H nên đã bỏ về hướng thành phố P. Phan Tấn Xuân T lấy xe mô tô nhãn hiệu Honda Vision của nhóm H chạy đến chỗ nhóm T đang đứng nhưng nhóm T bảo trả lại xe, khi hai nhóm đánh nhau kết thúc thì nhóm của H quay lại để lấy 03 chiếc xe. Thấy vậy, T, T, S, Đ, V, T điều khiển hai xe mô tô cùng T chạy xe mô tô nhãn hiệu Vision (của nhóm H) lao lên đuổi nhóm của H, nhóm của H tiếp tục bỏ chạy về ngã tư đường tránh và trốn. T trả xe Vision về chỗ cũ rồi cùng cả nhóm của T đi về.

Hậu quả, mặc dù không có ai bị thương tích nhưng hai nhóm đánh nhau vào thời điểm đêm khuya với nhiều người tham gia và sử dụng nhiều loại hung khí nguy hiểm đã làm mất an ninh trật tự công cộng tại địa phương, ngoài ra nhóm của T còn có hành vi đập phá làm hư hỏng 03 chiếc xe mô tô. Ban nhân dân thôn T, xã I, huyện I, tỉnh Gia Lai có đơn đề nghị xử lý hành vi của các đối tượng sử dụng súng, bom

xăng, dao chọc lợn, tít sắt... gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến đời sống của nhân dân, tình hình an ninh, trật tự công cộng tại địa phương..

- Tại bản kết luận định giá tài sản số 35 KL-HĐĐGTS ngày 05/9/2022 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện I, kết luận: Giá trị thiệt hại của một số bộ phận xe máy biển kiểm soát 81AU-002.74, nhãn hiệu DAELIMI, số loại CKD, dung tích 49, màu sơn đỏ đen, số máy 139FMB053539, số khung B4L1AA053539 bị hư hỏng với giá trị 851.000 đồng; giá trị thiệt hại của một số bộ phận xe máy biển kiểm soát 81AA-102.82, nhãn hiệu DAELIMIKD, số loại S2, dung tích 49, màu sơn đỏ đen, số máy 9FM22004563, số khung B2UMJB004563 bị hư hỏng với giá 997.000 đồng; Giá trị thiệt hại của một số bộ phận xe máy biển kiểm soát 81B3-207.31, nhãn hiệu Honda Vission, số loại Honda, màu sơn đỏ nâu đen, số máy JK03E2496149, số khung RLHJK0312MY589496 bị hư hỏng với giá 1.492.000 đồng. Tổng giá trị thiệt hại của tài sản bị hư hỏng là 3.340.000 đồng.

Tại Cáo trạng số 34/CT-VKS ngày 15/6/2023, Viện kiểm sát nhân dân huyện I, tỉnh Gia Lai truy tố các bị cáo Nguyễn Lê H T, Cao Nhật T, Đặng Ngọc T, H Lê Ngọc S, Phan Công T, Nguyễn H P, Nguyễn Văn T, Nguyễn Xuân T, Nguyễn Quốc B, Trần Ngô Văn Công Đ về các tội “Gây rối trật tự công cộng” theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 318 Bộ luật Hình sự và tội “Cố ý làm hư hỏng tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 178 Bộ luật Hình sự; Truy tố các bị cáo Phạm Lê Vĩ H, Đỗ H V, Lê Thanh T, Ngô Quang Q, Nguyễn Văn T, Phan Huy H, Nguyễn Đức L, Hoa Nguyễn Nhật T, Lê Nhật H, Trần Đ, Nguyễn Hồng M, Ksor Y, H Đình B L, Huỳnh Văn Đ, Trịnh Gia B, Lê Thế Q, Nguyễn Trọng N về tội “Gây rối trật tự công cộng” theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 318 Bộ luật Hình sự.

2. Giải quyết của Tòa án cấp sơ thẩm: Tại bản án hình sự sơ thẩm số 43/2023/HS-ST ngày 19 tháng 10 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện I, tỉnh Gia Lai đã quyết định:

- Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Lê H T, Cao Nhật T, Đặng Ngọc T, H Lê Ngọc S, Phan Công T, Nguyễn H P, Nguyễn Văn T, Nguyễn Xuân T, Nguyễn Quốc B, Trần Ngô Văn Công Đ phạm các tội “Gây rối trật tự công cộng” và “Cố ý làm hư hỏng tài sản”; Các bị cáo Phạm Lê Vĩ H, Đỗ H V, Lê Thanh T, Ngô Quang Q, Nguyễn Văn T, Phan Huy H, Nguyễn Đức L, Hoa Nguyễn Nhật T, Lê Nhật H, Trần Đ, Nguyễn Hồng M, Ksor Y, H Đình B L, Huỳnh Văn Đ, Trịnh Gia B, Lê Thế Q, Nguyễn Trọng N phạm tội “Gây rối trật tự công cộng”.

- Về điều luật áp dụng và hình phạt:

- Áp dụng khoản 1 Điều 178, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 90, Điều 91, Điều 101, Điều 17, Điều 57, Điều 38 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Lê H T 05 (năm) tháng tù về tội “Cố ý làm hư hỏng tài sản”.

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 90, Điều 91, Điều 101, Điều 17, Điều 57, Điều 38 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Lê H T 18 (mười tám) tháng tù về tội “Gây rối trật tự công cộng”;

Áp dụng Điều 55 của Bộ luật Hình sự, tổng hợp hình phạt buộc bị cáo Nguyễn Lê H T phải chấp hành chung hình phạt là 23 (hai mươi ba) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

- Áp dụng khoản 1 Điều 178, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 90, Điều 91, Điều 101, Điều 17, Điều 57, Điều 38 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T 03 (ba) tháng tù về tội “Cố ý làm hư hỏng tài sản”.

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 90, Điều 91, Điều 101, Điều 17, Điều 57, Điều 38 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T 12 (mười hai) tháng tù về tội “Gây rối trật tự công cộng”;

Áp dụng Điều 55 của Bộ luật Hình sự, tổng hợp hình phạt buộc bị cáo Nguyễn Văn T phải chấp hành chung hình phạt là 15 (mười lăm) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

- Áp dụng khoản 1 Điều 178, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 90, Điều 91, Điều 101, Điều 17, Điều 57, Điều 38 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Xuân T 03 (ba) tháng tù về tội “Cố ý làm hư hỏng tài sản”.

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 90, Điều 91, Điều 101, Điều 17, Điều 57, Điều 38 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Xuân T 12 (mười hai) tháng tù về tội “Gây rối trật tự công cộng”;

Áp dụng Điều 55 của Bộ luật Hình sự, tổng hợp hình phạt buộc bị cáo Nguyễn Xuân T phải chấp hành chung hình phạt là 15 (mười lăm) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

- Áp dụng khoản 1 Điều 178, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 90, Điều 91, Điều 101, Điều 17, Điều 57, Điều 38 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Cao Nhật T 03 (ba) tháng tù về tội “Cố ý làm hư hỏng tài sản”;

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 90, Điều 91, Điều 101, Điều 17, Điều 57, Điều 38 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Cao Nhật T 10 (mười) tháng tù về tội “Gây rối trật tự công cộng”;

Áp dụng Điều 55 của Bộ luật Hình sự, tổng hợp hình phạt buộc bị cáo Cao Nhật T phải chấp hành chung hình phạt là 13 (mười ba) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

- Áp dụng khoản 1 Điều 178, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 90, Điều 91, Điều 101, Điều 17, Điều 57, Điều 38 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Đặng Ngọc T 03 (ba) tháng tù về tội “Cố ý làm hư hỏng tài sản”;

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 90, Điều 91, Điều 101, Điều 17, Điều 57, Điều 38 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Đặng Ngọc T 10 (mười) tháng tù về tội “Gây rối trật tự công cộng”;

Áp dụng Điều 55 của Bộ luật Hình sự, tổng hợp hình phạt buộc bị cáo Đặng Ngọc T phải chấp hành chung hình phạt là 13 (mười ba) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

- Áp dụng khoản 1 Điều 178, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 90, Điều 91, Điều 101, Điều 17, Điều 57, Điều 38 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo H Lê Ngọc S 03 (ba) tháng tù về tội “Cố ý làm hư hỏng tài sản”;

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 90, Điều 91, Điều 101, Điều 17, Điều 57, Điều 38 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo H Lê Ngọc S 10 (mười) tháng tù về tội “Gây rối trật tự công cộng”;

Áp dụng Điều 55 của Bộ luật Hình sự, tổng hợp hình phạt buộc bị cáo H Lê Ngọc S phải chấp hành chung hình phạt là 13 (mười ba) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

- Áp dụng khoản 1 Điều 178, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 90, Điều 91, Điều 101, Điều 17, Điều 57, Điều 38 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Quốc B 03 (ba) tháng tù về tội “Cố ý làm hư hỏng tài sản”;

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 90, Điều 91, Điều 101, Điều 17, Điều 57, Điều 38 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Quốc B 09 (chín) tháng tù về tội “Gây rối trật tự công cộng”;

Áp dụng Điều 55 của Bộ luật Hình sự, tổng hợp hình phạt buộc bị cáo Nguyễn Quốc B phải chấp hành chung hình phạt là 12 (mười hai) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam (ngày 03/10/2023).

- Áp dụng khoản 1 Điều 178, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 90, Điều 91, Điều 101, Điều 17, Điều 57, Điều 38 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Phan Công T 03 (ba) tháng tù về tội “Cố ý làm hư hỏng tài sản”;

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 90, Điều 91, Điều 101, Điều 17, Điều 57, Điều 38 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Phan Công T 09 (chín) tháng tù về tội “Gây rối trật tự công cộng”;

Áp dụng Điều 55 của Bộ luật Hình sự, tổng hợp hình phạt buộc bị cáo Phan Công T phải chấp hành chung hình phạt là 12 (mười hai) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

- Áp dụng khoản 1 Điều 178, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 90, Điều 91, Điều 101, Điều 17, Điều 57, Điều 38 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Trần Ngô Văn Công Đ 03 (ba) tháng tù về tội “Cố ý làm hư hỏng tài sản”;

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 90, Điều 91, Điều 101, Điều 17, Điều 57, Điều 38 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Trần Ngô Văn Công Đ 09 (chín) tháng tù về tội “Gây rối trật tự công cộng”;

Áp dụng Điều 55 của Bộ luật Hình sự, tổng hợp hình phạt buộc bị cáo Trần Ngô Văn Công Đ phải chấp hành chung hình phạt là 12 (mười hai) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

- Áp dụng khoản 1 Điều 178, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 90, Điều 91, Điều 101, Điều 17, Điều 57, Điều 38 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn H P 03 (ba) tháng tù về tội “Cố ý làm hư hỏng tài sản”.

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 90, Điều 91, Điều 101, Điều 17, Điều 57, Điều 38 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn H P 09 (chín) tháng tù về tội “Gây rối trật tự công cộng”;

Áp dụng Điều 55 của Bộ luật Hình sự, tổng hợp hình phạt buộc bị cáo Nguyễn H P phải chấp hành chung hình phạt là 12 (mười hai) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam (ngày 08/02/2023).

- Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 90, Điều 91, Điều 101, Điều 17, Điều 57, Điều 38 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Phạm Lê Vĩ H 18 (mười tám) tháng tù về tội “Gây rối trật tự công cộng”.

- Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 57, Điều 38 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Ksor Y 24 (hai mươi bốn) tháng tù về tội “Gây rối trật tự công cộng”;

Áp dụng Điều 56 của Bộ luật Hình sự tổng hợp hình phạt với hình phạt 30 (ba mươi) tháng tù tại Bản án số 15/2023/HS-ST ngày 24/02/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai, buộc bị cáo Ksor Y chấp hành hình phạt chung của 02 bản án là 54 (năm mươi bốn) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam (ngày 24/6/2022).

- Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 90, Điều 91, Điều 101, Điều 17, Điều 57, Điều 38 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Lê Thanh T 15 (mười lăm) tháng tù về tội “Gây rối trật tự công cộng”, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

- Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 90, Điều 91, Điều 101, Điều 17, Điều 57, Điều 38 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Đỗ H V 09 (chín) tháng tù về tội “Gây rối trật tự công cộng”, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

- Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 57, Điều 38 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Phan Huy H 24 (hai mươi bốn) tháng tù về tội “Gây rối trật tự công cộng”, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

- Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 57, Điều 38 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Hoa Nguyễn Nhật T 24 (hai mươi bốn) tháng tù về tội “Gây rối trật tự công cộng”, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

- Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 57, Điều 38 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Đức L 24 (hai mươi bốn) tháng tù về tội “Gây rối trật tự công cộng”, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

- Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 57, Điều 38 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T 24 (hai mươi bốn)

tháng tù về tội “Gây rối trật tự công cộng”, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

- Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 57, Điều 38 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Trọng N 24 (hai mươi bốn) tháng tù về tội “Gây rối trật tự công cộng”, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

- Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 90, Điều 91, Điều 101, Điều 17, Điều 57, Điều 38 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Ngô Quang Q 09 (chín) tháng tù về tội “Gây rối trật tự công cộng”, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

- Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 90, Điều 91, Điều 101, Điều 17, Điều 57, Điều 38 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Trần Đ 09 (chín) tháng tù về tội “Gây rối trật tự công cộng”, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

- Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 90, Điều 91, Điều 101, Điều 17, Điều 57, Điều 38 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Lê Nhật H 07 (bảy) tháng tù về tội “Gây rối trật tự công cộng”, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

- Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 90, Điều 91, Điều 101, Điều 17, Điều 57, Điều 38 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Hồng M 07 (bảy) tháng tù về tội “Gây rối trật tự công cộng”, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

- Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 90, Điều 91, Điều 101, Điều 17, Điều 57 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Trịnh Gia B 07 (bảy) tháng tù về tội “Gây rối trật tự công cộng”, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

- Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 90, Điều 91, Điều 101, Điều 17, Điều 57 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Lê Thế Q 07 (bảy) tháng tù về tội “Gây rối trật tự công cộng” thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

- Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 90, Điều 91, Điều 101, Điều 17, Điều 57 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo H Đình B Lâm 06 (sáu) tháng tù về tội “Gây rối trật tự công cộng”, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

- Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 90, Điều 91, Điều 101, Điều 17, Điều 57 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Huỳnh Văn Đ 06 (sáu) tháng tù về tội “Gây rối trật tự công cộng”, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

- Áp dụng Điều 329 của Bộ luật Tố tụng hình sự, tiếp tục tạm giam bị cáo Ksor Y, Nguyễn H P, Nguyễn Quốc B để bảo đảm thi hành án.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên bố xử lý vật chứng, án phí, tuyên quyền kháng cáo của bị cáo và những người tham gia tố tụng khác theo quy định của pháp luật.

3. Về kháng cáo: Trong thời hạn luật định, các bị cáo Nguyễn Lê H T và người đại diện hợp pháp của bị cáo T là bà Lê Thị N, Cao Nhật T, Nguyễn Văn T, H Lê Ngọc S và người đại diện hợp pháp của bị cáo S là bà Lê Thị H, Trần Ngô Văn Công Đ, Ngô Quang Q, Nguyễn Văn T, Phan Huy H, Nguyễn Đức L, Hoa Nguyễn Nhật T, Trần Đ, Lê Nhật H và người đại diện hợp pháp của bị cáo H là bà Phạm Thị N, Nguyễn Hồng M, H Đình B L, Huỳnh Văn Đ, Lê Thế Q, Nguyễn Trọng N kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và được hưởng án treo; các bị cáo Nguyễn H P và Nguyễn Quốc B kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

4. Diễn biến tại phiên tòa:

Các bị cáo khai nhận hành vi phạm tội như nội dung bản án sơ thẩm, các bị cáo thấy hối hận về hành vi phạm tội của mình.

Các bị cáo Nguyễn Lê H T và người đại diện hợp pháp của bị cáo T là bà Lê Thị N, Cao Nhật T, H Lê Ngọc S và người đại diện hợp pháp của bị cáo S là bà Lê Thị H, Trần Ngô Văn Công Đ, Ngô Quang Q, Nguyễn Văn T, Phan Huy H, Nguyễn Đức L, Hoa Nguyễn Nhật T, Trần Đ, Lê Nhật H và người đại diện hợp pháp của bị cáo H là bà Phạm Thị N, Nguyễn Hồng M, H Đình B L, Huỳnh Văn Đ, Lê Thế Q kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và được hưởng án treo; các bị cáo Nguyễn H P và Nguyễn Quốc B kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Trước khi mở phiên tòa phúc thẩm ngày 26/12/2023 bị cáo Nguyễn Văn T có đơn rút toàn bộ nội dung kháng cáo.

Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo Nguyễn Trọng N rút toàn bộ nội dung kháng cáo.

5. Quan điểm của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

5.1 Đề nghị HĐXX căn cứ vào điểm a, b, đ khoản 1 Điều 355, điểm e khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Đình chỉ đối với nội dung kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin hưởng án treo của các bị cáo Nguyễn Văn T và Nguyễn Trọng N.

Không chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và được hưởng án treo của các bị cáo Nguyễn Lê H T và người đại diện hợp pháp của bị cáo T là bà Lê Thị N, Cao Nhật T, H Lê Ngọc S và người đại diện hợp pháp của bị cáo S là bà Lê Thị H, Trần Ngô Văn Công Đ, Ngô Quang Q, Nguyễn Văn T, Phan Huy H, Nguyễn Đức L, Hoa Nguyễn Nhật T, Lê Nhật H và người đại diện hợp pháp của bị cáo H là bà Phạm Thị N, Trần Đ.

Không chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của các bị cáo Nguyễn H P và Nguyễn Quốc B.

Không chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của các bị cáo Nguyễn Hồng M, H Đình B L, Huỳnh Văn Đ và Lê Thế Q.

Chấp nhận kháng cáo xin hưởng án treo của các bị cáo Nguyễn Hồng M, H Đình B L, Huỳnh Văn Đ và Lê Thế Q; sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 43/2023/HS-ST ngày 19 tháng 10 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện I, tỉnh Gia Lai về phần hình phạt đối với các bị cáo Nguyễn Hồng M, H Đình B L, Huỳnh Văn Đ và Lê Thế Q.

- Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 90, Điều 91, Điều 101, Điều 17, Điều 57, Điều 38, Điều 65 của Bộ luật Hình sự. Đề nghị xử phạt bị cáo Nguyễn Hồng M 7 (bảy) tháng tù nhưng có hưởng án treo, thời gian thử thách là 14 (mười bốn) tháng về tội “Gây rối trật tự công cộng”.

- Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 90, Điều 91, Điều 101, Điều 17, Điều 57, Điều 65 của Bộ luật Hình sự. Đề nghị xử phạt bị cáo H Đình B Lâm 6 (sáu) tháng tù nhưng có hưởng án treo, thời gian thử thách là 12 (mười hai) tháng về tội “Gây rối trật tự công cộng”.

- Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 90, Điều 91, Điều 101, Điều 17, Điều 57, Điều 65 của Bộ luật Hình sự. Đề nghị xử phạt bị cáo Huỳnh Văn Đ 6 (sáu) tháng tù nhưng có hưởng án treo, thời gian thử thách là 12 (mười hai) tháng về tội “Gây rối trật tự công cộng”.

- Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 90, Điều 91, Điều 101, Điều 17, Điều 57 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Lê Thế Q 07 (bảy) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 14 (mười bốn) tháng về tội “Gây rối trật tự công cộng”

- Về án phí phúc thẩm: Các bị cáo Nguyễn Lê H T, Cao Nhật T, H Lê Ngọc S, Trần Ngô Văn Công Đ, Ngô Quang Q, Nguyễn Văn T, Phan Huy H, Nguyễn Đức L, Hoa Nguyễn Nhật T, Lê Nhật H, Nguyễn H P và Nguyễn Quốc B, Trần Đ phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Các bị cáo Nguyễn Hồng M, H Đình B L, Huỳnh Văn Đ và Lê Thế Q, Nguyễn Văn T, Nguyễn Trọng N không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

5.2 Người bào chữa cho các bị cáo là luật sư Mai Văn T, Trần Mạnh T, Trương Thị P, Nguyễn H Kim L và ông Nguyễn Đình C: Hoàn toàn thống nhất như hành vi phạm tội của các bị cáo như tại Bản án hình sự sơ thẩm số 43/2023/HS-ST ngày 19 tháng 10 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện I, tỉnh Gia Lai đã quyết định. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét các bị cáo phạm tội mang tích chất đồng phạm giản đơn do bị bạn bè rủ rê, phạm tội lần đầu, có nhân thân tốt, tham gia với vai trò không đáng kể và phần đông các bị cáo là người chưa thành niên để áp dụng quy định tại Điều 54, Điều 65 Bộ luật Hình sự, chấp nhận kháng cáo của các bị cáo theo hướng giảm nhẹ hình phạt và cho các bị cáo được hưởng án treo.

5.3 Người đại diện hợp pháp của các bị cáo chưa thành niên: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt và cho các bị cáo được hưởng án treo để các bị cáo tiếp tục đi học và làm lại cuộc đời.

5.4 Đại diện Đoàn thanh niên xã I và I, huyện I, tỉnh Gia Lai có văn bản trình bày: Đề nghị xem xét giảm một phần hình phạt đối với các bị cáo Trần Đ và Lê Nhật H để các bị cáo có cơ hội trở thành người có ích cho xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan và người có thẩm quyền tiến hành tố tụng cấp sơ thẩm trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Tại phiên tòa, các bị cáo, người đại diện hợp pháp của các bị cáo không có ý kiến khiếu nại gì đối với các hành vi, quyết định tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng cấp sơ thẩm đã thực hiện là hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội như nội dung Bản án sơ thẩm, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án.

Đủ cơ sở khẳng định: Do có mâu thuẫn giữa bị cáo Nguyễn Lê H T và bị cáo Phạm Lê Vĩ H nên hai bị cáo này đã hẹn đánh nhau và rủ nhiều bị cáo và những người liên quan khác tham gia. Đến khoảng 22 giờ 00 phút, ngày 23/6/2022 tại thôn T, xã I, huyện I, tỉnh Gia Lai các bị cáo đã thực hiện hành vi “Gây rối trật tự công cộng” và “Cố ý làm hư hỏng tài sản”, cụ thể:

Đối với hành vi “Gây rối trật tự công cộng”, các bị cáo thực hiện là Cao Nhật T, Đặng Ngọc T, H Lê Ngọc S, Phan Công T, Nguyễn Lê H T, Nguyễn H P, Nguyễn Văn T, Nguyễn Xuân T, Nguyễn Quốc B, Trần Ngô Văn Công Đ, H Đình B L, Huỳnh Văn Đ, Trịnh Gia B, Lê Thế Q, Nguyễn Trọng N, Đỗ H V, Lê Thanh T, Ngô Quang Q, Nguyễn Văn T, Phan Huy H, Phạm Lê Vĩ H, Nguyễn Đức L, Hoa Nguyễn Nhật T, Lê Nhật H, Trần Đ, Nguyễn Hồng M, Ksor Y và Siu P. Các bị cáo cùng các đối tượng Phan Tấn Xuân T, Lê M V, Phan Tấn Đ, Lê Anh N, Đỗ M L, Võ Trần Tấn L, Lê H L, Phạm Thanh T sử dụng nhiều hung khí nguy hiểm gồm súng, dao, tuýp sắt, kiếm, bình xịt hơi cay, bom xăng, dao phóng lộn ... lao vào đánh nhau tại khu vực đường liên huyện, từ xã I, huyện I đi thành phố P, nơi có trường trung học phổ thông Phạm Văn Đ, có cửa hàng xăng dầu số 2 thuộc doanh nghiệp tư nhân Ngọc Mai, gần ngã tư đường tránh thành phố, có đông dân cư sinh sống hai bên đường gây hậu quả làm mất an ninh, ảnh hưởng lớn đến trật tự công cộng tại địa phương.

Đối với hành vi “Cố ý làm hư hỏng tài sản”, các bị cáo thực hiện là Cao Nhật T, Đặng Ngọc T, H Lê Ngọc S, Phan Công T, Nguyễn Lê H T, Nguyễn H P, Nguyễn Văn T, Nguyễn Xuân T, Nguyễn Quốc B, Trần Ngô Văn Công Đ tham gia làm hư hỏng 03 xe mô tô với tổng giá trị thiệt hại là 3.340.000 đồng.

Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm xét xử các bị cáo Nguyễn Lê H T, Cao Nhật T, Đặng Ngọc T, H Lê Ngọc S, Phan Công T, Nguyễn H P, Nguyễn Văn T, Nguyễn Xuân T, Nguyễn Quốc B, Trần Ngô Văn Công Đ về các tội “Gây rối trật tự công cộng” theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 318 Bộ luật Hình sự và tội “Cố ý làm

hư hỏng tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 178 Bộ luật Hình sự; các bị cáo Phạm Lê Vĩ H, Đỗ H V, Lê Thanh T, Ngô Quang Q, Nguyễn Văn T, Phan Huy H, Nguyễn Đức L, Hoa Nguyễn Nhật T, Lê Nhật H, Trần Đ, Nguyễn Hồng M, Ksor Y, H Đình B L, Huỳnh Văn Đ, Trịnh Gia B, Lê Thế Q, Nguyễn Trọng N về tội “Gây rối trật tự công cộng” theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 318 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Các bị cáo Nguyễn Văn T và Nguyễn Trọng N có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin hưởng án treo tuy nhiên trước khi mở phiên tòa phúc thẩm ngày 26/12/2023 bị cáo T có đơn xin rút toàn bộ nội dung kháng cáo. Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo Nghĩa xin rút toàn bộ nội dung kháng cáo do đó Hội đồng xét xử đình chỉ giải quyết và không xem xét đối với kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Văn T và Nguyễn Trọng N.

[4] Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin được hưởng án treo của các bị cáo Nguyễn Lê H T và người đại diện hợp pháp của bị cáo T là bà Lê Thị N, Cao Nhật T, H Lê Ngọc S và người đại diện hợp pháp của bị cáo S là bà Lê Thị H, Trần Ngô Văn Công Đ, Ngô Quang Q, Nguyễn Văn T, Phan Huy H, Nguyễn Đức L, Hoa Nguyễn Nhật T, Lê Nhật H và người đại diện hợp pháp của bị cáo H là bà Phạm Thị N, Trần Đ, Nguyễn Hồng M, H Đình B L, Huỳnh Văn Đ và Lê Thế Q thấy rằng:

Đối với bị cáo Nguyễn Lê H T giữ vai trò là người khởi xướng, rủ rê, lôi kéo và là người trực tiếp thực hiện hành vi phạm tội tích cực, nguyên nhân xảy ra vụ án xuất phát từ mâu thuẫn giữa bị cáo với bị cáo H, bị cáo thực hiện tội phạm tích cực thể hiện ở việc tìm kiếm, chuẩn bị hung khí và cũng là người trực tiếp tham gia đánh nhau và gây rối trật tự công cộng, hô hào các bị cáo khác và tham gia đập phá 03 xe mô tô gây ra tổng thiệt hại 3.340.000 đồng.

Đối với các Cao Nhật T, H Lê Ngọc S, Trần Ngô Văn Công Đ, Nguyễn Quốc B giữ vai trò là người rủ rê, lôi kéo và là người trực tiếp thực hiện hành vi phạm tội tích cực, trực tiếp tham gia đánh nhau gây rối trật tự công cộng và thực hiện hành vi Cố ý làm hư hỏng tài sản gây ra tổng thiệt hại 3.340.000 đồng.

Đối với Hoa Nguyễn Nhật T, Nguyễn Đức L, Nguyễn Văn T, Phan Huy H tham gia với vai trò là người thực hành, tuy nhiên các bị cáo là người đủ 18 tuổi, khi được các bị cáo khác nhỏ tuổi hơn rủ rê đi đánh nhau thì không những không can ngăn mà còn tham gia đánh nhau gây rối trật tự công cộng.

Đối với Ngô Quang Q, Lê Nhật H, Trần Đ, Nguyễn Hồng M, H Đình B L, Huỳnh Văn Đ, Lê Thế Q đều là người thực hành nhưng với tham gia với vai trò thứ yếu.

Khi quyết định hình phạt Tòa án cấp sơ thẩm đã đánh giá tính chất, mức độ, hậu quả của hành vi phạm tội, xem xét các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo như:

Các bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải là tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Các bị cáo Cao Nhật T, Đặng Ngọc T, H Lê Ngọc S, Nguyễn Lê H T, Nguyễn H P, Nguyễn Quốc B, Trần Ngô Văn

Công Đ đã bồi thường toàn bộ thiệt hại đối với tài sản các bị cáo cố ý làm hư hỏng và được bị hại xin giảm nhẹ hình phạt là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự chung theo quy định tại điểm b khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự được áp dụng cho tất cả các bị cáo đối với hành vi Cố ý làm hư hỏng tài sản.

Các bị cáo Nguyễn Lê H T, Trần Ngô Văn Công Đ, Phan Huy H, Lê Nhật H, Nguyễn Hồng M, H Đình B L, Huỳnh Văn Đ đều có thân nhân là người có công với cách mạng là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự chung theo quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự được áp dụng cho tất cả các bị cáo đối với cả hai hành vi phạm tội.

Các bị cáo Nguyễn Lê H T, Nguyễn H P, Cao Nhật T, H Lê Ngọc S, Phan Công T, Nguyễn Quốc B, Trần Ngô Văn Công Đ, Ngô Quang Q, Lê Nhật H, Trần Đ, Nguyễn Hồng M, H Đình B L, Huỳnh Văn Đ, Lê Thế Q khi thực hiện hành vi phạm tội đều là người chưa đủ 18 tuổi.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo Cao Nhật T, H Lê Ngọc S và người đại diện hợp pháp của bị cáo S, Trần Ngô Văn Công Đ, Nguyễn Văn T, Phan Huy H, Nguyễn Đức L, Hoa Nguyễn Nhật T, Lê Nhật H và người đại diện hợp pháp của bị cáo H, Trần Đ không có tình tiết mới phát sinh, mức hình phạt mà Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng cho các bị cáo là phù hợp với tính chất mức độ nguy hiểm, hậu quả của hành vi phạm tội của bị cáo gây ra nên không chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin được hưởng án treo của các bị cáo.

Người đại diện hợp pháp của bị cáo T giao nộp thêm tài liệu là đơn xin xác nhận có nội dung: “Bà Lê Thị N có hồ trợ lực lượng Công an huyện I tìm kiếm, đưa một số người bị tố giác trong vụ án Gây rối trật tự công cộng và Cố ý làm hư hỏng tài sản xảy ra ngày 23/6/2022 tại Thôn T, xã I, huyện I đến trụ sở Công an xã...” và các giấy khen học tập của bị cáo Nguyễn Lê H T; bị cáo Nguyễn Văn T giao nộp 01 giấy xác nhận khuyết tật ông Nguyễn Văn Toán (cha đẻ bị cáo) và xác nhận gia đình có hoàn cảnh khó khăn thấy rằng đơn xác nhận của bà Nga là không phù hợp để áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo T, xét hành vi của bị cáo T là người khởi xướng, rủ rờ, lôi kéo và là người trực tiếp thực hiện hành vi phạm tội tích cực, bị cáo là nguyên nhân dẫn đến hành vi phạm tội của các bị cáo khác; bị cáo T khi thực hiện hành vi phạm tội đã là người đã thành niên, cấp sơ thẩm đã xét xử các bị cáo mức án thấp nhất của khung hình phạt nên không có căn cứ chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin được hưởng án treo của các bị cáo.

Tại phiên tòa phúc thẩm các bị cáo Ngô Quang Q, Nguyễn Hồng M, H Đình B L, Huỳnh Văn Đ và Lê Thế Q nộp thêm các tài liệu:

Bị cáo Nguyễn Hồng M giao nộp giấy xác nhận gia đình bị cáo thuộc diện hộ nghèo, cận nghèo, có hoàn cảnh gia đình khó khăn, ông bà nội Nguyễn Văn Xưởng và Ngô Thị Thăng là người có công với cách mạng, được tặng thưởng huân, huy chương kháng chiến hạng nhất trong cuộc kháng chiến chống Pháp, Mỹ cứu nước, ngoài ra gia đình bị cáo có công đóng góp hỗ trợ đồng bào trong thời gian chống dịch covid 19 và bị cáo hiện đang là sinh viên của trường Đại học L, tỉnh Đồng Nai. Bị

cáo Ngô Văn Q có ông ngoại Đào Viết B là thương binh loại A, đơn xin xác nhận tại chính quyền địa phương gia đình có hoàn cảnh khó khăn và xác nhận của trường THPT Y, huyện C, tỉnh Gia Lai hiện Ngô Quang Q hiện đang theo học lớp 11 tại trường; Bị cáo Lê Thế Q có đơn xác nhận gia đình khó khăn, có bố bị tai nạn lao động sức khỏe yếu, có 01 anh trai bị tai nạn tử nạn về sức khỏe 58% mẹ bị cáo Lê Thế Q là bà H Thị H hiện đang là trụ cột chính trong gia đình, bị cáo Q hiện nay đang học tại trường Cao đẳng P- Đ; Bị cáo Huỳnh Văn Đ và H Đình B L có xác nhận của địa phương về việc hộ gia đình có hoàn cảnh khó khăn, bị cáo Huỳnh Văn Đ hiện đang học lớp 12 tại trường H, tỉnh Gia Lai. Tất cả các tài liệu các bị cáo giao nộp đều có xác nhận của chính quyền địa phương. Ngoài ra các bị cáo trong quá trình sinh sống tại địa phương cho đến trước khi thực hiện tội phạm thì các bị cáo chấp hành tốt quy định pháp luật và không có vi phạm gì. Các bị cáo Lê Thế Q, Ngô Quang Q, Nguyễn Hồng M, Huỳnh Văn Đ và H Lê B Lâm đã nộp đủ số tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Tại phiên tòa các bị cáo Lê Thế Q, Ngô Quang Q, Nguyễn Hồng M, Huỳnh Văn Đ trình bày nguyện vọng hiện nay các bị cáo đều đang đi học là học sinh, sinh viên trong quá trình học tập các bị cáo đều có học lực khá; tích cực tham gia các hoạt động phong trào của lớp và đoàn trường nên mong Hội đồng xét xử xem xét cho các bị cáo Thế Q, Quang Q, Hồng M, Huỳnh Văn Đ được hưởng án treo để các bị cáo được tiếp tục việc học để trở thành người có ích cho xã hội.

Hội đồng xét xử thấy rằng các bị cáo Lê Thế Q, Ngô Quang Q, Nguyễn Hồng M, Huỳnh Văn Đ và H Lê B Lâm giữ vai trò là người giúp sức, có vai trò thứ yếu trong vụ án, các bị cáo có nhân thân tốt, khi phạm tội chưa đủ 18 tuổi và có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mới quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Xét các bị cáo đều có nơi cư trú rõ ràng, việc cho các bị cáo cải tạo tại chỗ dưới sự giám sát, giáo dục của địa phương không gây nguy hiểm cho xã hội, không ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội, đồng thời cũng tạo điều kiện cho các bị cáo được tiếp tục công việc học tập của mình nên Hội đồng xét xử thấy không cần thiết phải bắt chấp hành hình phạt tù mà giao cho chính quyền địa phương giám sát, giáo dục cũng đủ tác dụng răn đe, phòng ngừa tội phạm. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo xin được hưởng án treo của các bị cáo Lê Thế Q, Ngô Quang Q, Nguyễn Hồng M, Huỳnh Văn Đ và H Lê B Lâm.

[5] Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của các bị cáo Nguyễn H P và Nguyễn Quốc B thì thấy rằng:

Đối với Nguyễn H P là người trực tiếp tham gia đánh nhau gây rối trật tự công cộng và thực hiện hành vi Cố ý làm hư hỏng tài sản gây ra tổng thiệt hại 3.340.000 đồng, mặt khác nguyên nhân dẫn đến vụ việc cũng một phần xuất phát từ việc bị cáo Phúc và bị cáo T có mâu thuẫn với bị cáo H.

Đối với bị cáo Nguyễn Quốc B giữ vai trò giữ vai trò là người rủ rê, lôi kéo và là người trực tiếp thực hiện hành vi phạm tội tích cực, trực tiếp tham gia đánh nhau

gây rối trật tự công cộng và thực hiện hành vi Cố ý làm hư hỏng tài sản gây ra tổng thiệt hại 3.340.000 đồng.

Khi quyết định hình phạt Tòa án cấp sơ thẩm đã đánh giá tính chất, mức độ, hậu quả của hành vi phạm tội, xem xét các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo. Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo không có tình tiết mới phát sinh, mức hình phạt mà Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng cho các bị cáo là phù hợp với tính chất mức độ nguy hiểm, hậu quả của hành vi phạm tội của bị cáo gây ra nên không chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của các bị cáo.

[6] Về án phí phúc thẩm:

Các bị cáo Nguyễn Lê H T, Cao Nhật T, H Lê Ngọc S, Trần Ngô Văn Công Đ, Nguyễn Văn T, Phan Huy H, Nguyễn Đức L, Hoa Nguyễn Nhật T, Lê Nhật H, Nguyễn H P và Nguyễn Quốc B, Trần Đ chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Các bị cáo Ngô Quang Q, Lê Thế Q, Nguyễn Hồng M, Huỳnh Văn Đ, H Đình B L, Nguyễn Văn T và Nguyễn Trọng N không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a, b, đ khoản 1 Điều 355; điểm e khoản 1 Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 178, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 90, Điều 91, Điều 101, Điều 17, Điều 57, Điều 38 của Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo Nguyễn Lê H T, Cao Nhật T, Nguyễn Văn T, H Lê Ngọc S, Nguyễn Quốc B, Trần Ngô Văn Công Đ, Nguyễn H P về tội “Cố ý làm hư hỏng tài sản”;

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 318, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 90, Điều 91, Điều 101, Điều 17, Điều 57, Điều 38 của Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo Nguyễn Lê H T, Cao Nhật T, Nguyễn Văn T, H Lê Ngọc S, Nguyễn Quốc B, Trần Ngô Văn Công Đ và Nguyễn H P về tội “Gây rối trật tự công cộng”. Áp dụng thêm khoản 2 Điều 51 đối với các bị cáo Cao Nhật T, H Lê Ngọc S, Nguyễn Quốc B, Nguyễn H P, Nguyễn Lê H T và Trần Ngô Văn Công Đ về tội “Gây rối trật tự công cộng”.

Căn cứ Điều 55 về tổng hợp hình phạt đối với các bị cáo Nguyễn Lê H T, Cao Nhật T, Nguyễn Văn T, H Lê Ngọc S, Nguyễn Quốc B, Trần Ngô Văn Công Đ, Nguyễn H P.

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 318, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 57, Điều 38 của Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo Hoa Nguyễn Nhật T, Nguyễn Đức L, Nguyễn Văn T, Nguyễn Trọng N và Phan Huy H về tội “Gây rối trật tự công cộng”. Áp dụng thêm khoản 2 Điều 51 đối với bị cáo Phan Huy H.

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 318, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 90, Điều 91, Điều 101, Điều 17, Điều 57, Điều 38 của Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo Trần Đ, Lê Nhật H, Ngô Quang Q, Nguyễn Hồng M, Lê Thế Q, H Đình B L và Huỳnh Văn Đ về tội “Gây rối trật tự công cộng”. Áp dụng thêm khoản 2 Điều 51 đối với bị cáo Lê

Nhật H; áp dụng thêm khoản 2 Điều 51 và Điều 65 đối với các bị cáo Ngô Quang Q, Nguyễn Hồng M, Lê Thế Q, H Đình B L và Huỳnh Văn Đ.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

1. Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin hưởng án treo của các bị cáo Nguyễn Văn T và Nguyễn Trọng N.

2. Không chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin được hưởng án treo của các bị cáo Nguyễn Lê H T, Cao Nhật T, H Lê Ngọc S, Trần Ngô Văn Công Đ, Nguyễn Văn T, Phan Huy H, Nguyễn Đức L, Hoa Nguyễn Nhật T, Lê Nhật H, Trần Đ.

3. Không chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của các bị cáo Nguyễn H P và Nguyễn Quốc B.

4. Không chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của các bị cáo Nguyễn Hồng M, Huỳnh Văn Đ, H Đình B L, Ngô Quang Q và Lê Thế Q.

5. Chấp nhận kháng cáo xin được hưởng án treo của các bị cáo Nguyễn Hồng M, Huỳnh Văn Đ, H Đình B L, Ngô Quang Q và Lê Thế Q.

Sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 43/2023/HS-ST ngày 19 tháng 10 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện I, tỉnh Gia Lai về phân hình phạt của các bị cáo Nguyễn Hồng M, Huỳnh Văn Đ, H Đình B L, Ngô Quang Q và Lê Thế Q.

6. Về tội danh:

Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Lê H T, Nguyễn Văn T, Cao Nhật T, H Lê Ngọc S, Nguyễn H P, Nguyễn Quốc B, Trần Ngô Văn Công Đ phạm các tội “Gây rối trật tự công cộng” và “Cố ý làm hư hỏng tài sản”; Các bị cáo Ngô Quang Q, Nguyễn Văn T, Phan Huy H, Nguyễn Đức L, Hoa Nguyễn Nhật T, Lê Nhật H, Trần Đ, Nguyễn Hồng M, H Đình B L, Huỳnh Văn Đ, Lê Thế Q, Nguyễn Trọng N phạm tội “Gây rối trật tự công cộng”.

7. Về hình phạt:

7.1. Xử phạt bị cáo Nguyễn Lê H T 05 (năm) tháng tù về tội “Cố ý làm hư hỏng tài sản” và 18 (mười tám) tháng tù về tội “Gây rối trật tự công cộng”. Tổng hợp hình phạt buộc bị cáo Nguyễn Lê H T phải chấp hành chung hình phạt là 23 (hai mươi ba) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

7.2. Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T 03 (ba) tháng tù về tội “Cố ý làm hư hỏng tài sản” và 12 (mười hai) tháng tù về tội “Gây rối trật tự công cộng”. Tổng hợp hình phạt buộc bị cáo Nguyễn Văn T phải chấp hành chung hình phạt là 15 (mười lăm) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

7.3. Xử phạt bị cáo Cao Nhật T 03 (ba) tháng tù về tội “Cố ý làm hư hỏng tài sản” và 10 (mười) tháng tù về tội “Gây rối trật tự công cộng”. Tổng hợp hình phạt

buộc bị cáo Cao Nhật T phải chấp hành chung hình phạt là 13 (mười ba) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

7.4. Xử phạt bị cáo H Lê Ngọc S 03 (ba) tháng tù về tội “Cố ý làm hư hỏng tài sản” và 10 (mười) tháng tù về tội “Gây rối trật tự công cộng”. Tổng hợp hình phạt buộc bị cáo H Lê Ngọc S phải chấp hành chung hình phạt là 13 (mười ba) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

7.5. Xử phạt bị cáo Nguyễn Quốc B 03 (ba) tháng tù về tội “Cố ý làm hư hỏng tài sản” và 09 (chín) tháng tù về tội “Gây rối trật tự công cộng”. Tổng hợp hình phạt buộc bị cáo Nguyễn Quốc B phải chấp hành chung hình phạt là 12 (mười hai) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam (ngày 03/10/2023).

7.6. Xử phạt bị cáo Trần Ngô Văn Công Đ 03 (ba) tháng tù về tội “Cố ý làm hư hỏng tài sản” và 09 (chín) tháng tù về tội “Gây rối trật tự công cộng”. Tổng hợp hình phạt buộc bị cáo Trần Ngô Văn Công Đ phải chấp hành chung hình phạt là 12 (mười hai) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

7.7. Xử phạt bị cáo Nguyễn H P 03 (ba) tháng tù về tội “Cố ý làm hư hỏng tài sản” và 09 (chín) tháng tù về tội “Gây rối trật tự công cộng”. Tổng hợp hình phạt buộc bị cáo Nguyễn H P phải chấp hành chung hình phạt là 12 (mười hai) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam (ngày 08/02/2023)

7.8. Xử phạt bị cáo Phan Huy H 24 (hai mươi bốn) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

7.9. Xử phạt bị cáo Hoa Nguyễn Nhật T 24 (hai mươi bốn) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

7.10. Xử phạt bị cáo Nguyễn Đức L 24 (hai mươi bốn) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

7.11. Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T 24 (hai mươi bốn) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

7.12. Xử phạt bị cáo Nguyễn Trọng N 24 (hai mươi bốn) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

7.13. Xử phạt bị cáo Trần Đ 09 (chín) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

7.14. Xử phạt bị cáo Lê Nhật H 07 (bảy) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

7.15. Xử phạt bị cáo Ngô Quang Q 09 (chín) tháng tù về tội “Gây rối trật tự công cộng” cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 18 (mười tám) tháng tính từ ngày tuyên án (ngày 11/01/2024).

Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã I, huyện C, tỉnh Gia Lai giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. T hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 Luật Thi hành án hình sự.

7.16. Xử phạt bị cáo Nguyễn Hồng M 07 (bảy) tháng tù về tội “Gây rối trật tự công cộng” cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 14 (mười bốn) tháng tính từ ngày tuyên án (ngày 11/01/2024).

Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã I, huyện I, tỉnh Gia Lai giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. T hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 Luật Thi hành án hình sự.

7.17. Xử phạt bị cáo Lê Thế Q 07 (bảy) tháng tù về tội “Gây rối trật tự công cộng” cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 14 (mười bốn) tháng tính từ ngày tuyên án (ngày 11/01/2024).

Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã I, huyện I tỉnh Gia Lai giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. T hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 Luật Thi hành án hình sự.

7.18. Xử phạt bị cáo H Đình B Lâm 06 (sáu) tháng tù về tội “Gây rối trật tự công cộng”, cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 12 (mười hai) tháng tính từ ngày tuyên án (ngày 11/01/2024).

Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân phường Y, thành phố P, tỉnh Gia Lai giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. T hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 Luật Thi hành án hình sự.

7.19. Xử phạt bị cáo Huỳnh Văn Đ 06 (sáu) tháng tù về tội “Gây rối trật tự công cộng” cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 12 (mười hai) tháng tính từ ngày tuyên án (ngày 11/01/2024).

Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã B, thành phố P, tỉnh Gia Lai giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. T hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

8. Về án phí:

Các bị cáo Nguyễn Lê H T, Cao Nhật T, H Lê Ngọc S, Trần Ngô Văn Công Đ, Nguyễn Văn T, Phan Huy H, Nguyễn Đức L, Hoa Nguyễn Nhật T, Lê Nhật H, Nguyễn H P và Nguyễn Quốc B, Trần Đ mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

Các bị cáo Nguyễn Hồng M, Huỳnh Văn Đ, H Đình B L, Ngô Quang Q, Lê Thế Q. Nguyễn Văn T và Nguyễn Trọng N không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

9. Các quyết định khác của án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Gia Lai;
- Công an tỉnh Gia Lai;
- Sở tư pháp tỉnh Gia Lai;
- TAND huyện I;
- Chi cục THA dân sự huyện I;
- Các bị cáo;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu VT; HSVA và Tòa GD& CTN.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Tiến Sỹ